

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/DS-ST
Ngày 17-12-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tuyết C (tên thường gọi là N), sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: Hương lộ 06, ấp LT, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: 1. Chị Mai Thị M, sinh năm 1988;

2. Anh Dương Chí P, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp ấp LT, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; cùng vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1962;

Địa chỉ cư trú: Ấp ấp LT, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết C trình bày:

Chị Mai Thị M và anh Dương Chí P có tham gia 02 phần hội gồm 02 dây do chị làm chủ hội, cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hội 2.000.000 đồng/01 tháng, kỳ mở hội ngày 05-01-2016, kỳ mãn hội ngày 05-5-2017, gồm 17 phần, 16 thành viên, chị M và anh P tham gia 01 phần, số thứ tự 01 tính từ trên xuống, danh sách hội ghi tên “M (P)”. Chị M lĩnh tiền trúng hội ngày 05-01-2016, kê 550.000 đồng, trúng hội 23.200.000 đồng, trừ 600.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 22.600.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 22.600.000 đồng cho chị M. Chị M góp 09 lần hội chết, số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ lại 07 lần hội chết, số tiền 14.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hội 2.000.000 đồng/01 tháng, kỳ mở hội ngày 10-3-2016, kỳ mãn hội ngày 10-3-2018, gồm 25 phần, 21 thành viên, chị M và anh P tham gia 01 phần, số thứ tự 25 tính từ trên xuống, danh sách hội ghi tên “P (M)”. Chị M lĩnh tiền trúng hội ngày 10-3-2016, kê 580.000 đồng, trúng hội 34.080.000 đồng, trừ 600.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 33.480.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 33.480.000 đồng cho chị M. Chị M góp 06 lần hội chết, số tiền 12.000.000 đồng, tháng 10 năm 2016, chị M góp cho chị 1.000.000 đồng tiền hội chết, còn nợ lại 17 lần hội chết, số tiền 34.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền hội chết của tháng 10 năm 2016, tổng cộng là 35.000.000 đồng.

Chị M và anh P đã lĩnh tiền trúng hội hết 02 phần trong 02 dây hội nhưng không góp đủ tiền hội chết cho chị, số tiền hội chết chưa góp đến ngày mãn hội là 49.000.000 đồng, chị đã góp đủ tiền hội chết thay cho chị M và anh P đến ngày mãn hội.

Khi lĩnh tiền trúng hội các dây hội nêu trên, chị M trình bày để chi phí sửa chữa lại mái nhà cấp 4A của bà Võ Thị Kim T là mẹ ruột anh P.

Ngày 28-4-2017, anh P có viết giấy xác nhận nợ cho chị với nội dung: “Hôm 28/4/2017 Dương Chí P Áp Lộc Tiến, Lộc Hưng, Trảng Bàng Tây Ninh có nợ Chị N Số tiền: 49.000.000đ Bốn Chín triệu đồng Bằng chữ Hàng tháng em sẽ gửi cho Chị N”. Chị M, anh P và bà T cùng ký tên và ghi họ tên vào giấy xác nhận nợ trên.

Ngày 30-12-2017 Âm lịch, bà T có trả cho chị số tiền 1.000.000 đồng.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Mai Thị M, anh Dương Chí P và bà Võ Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 48.000.000 đồng tiền hội chết chưa góp, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị rút yêu cầu khởi kiện đối với anh P.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Mai Thị M trình bày: Đồng ý với lời trình bày của chị Đỗ Thị Tuyết C về hợp đồng góp hụi giữa chị C với chị M và anh P. Chị và anh P còn nợ chị C số tiền 48.000.000 đồng tiền hụi chết chưa góp.

Chị đồng ý cùng bà T trả cho chị C số tiền 48.000.000 đồng, không trả tiền lãi, nhưng xin trả dần mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng đến khi trả hết nợ, chị không yêu cầu anh P cùng trả nợ cho chị C.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, gửi Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn - anh Dương Chí P không cung cấp lời khai, không tham gia tố tụng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị Kim T đồng ý với lời khai và yêu cầu của chị Mai Thị M.

Từ ngày 05-01-2016 đến ngày 10-3-2016, bà, anh P, chị M và chồng bà là ông Dương Văn Cường sống chung nhà và sinh hoạt kinh tế gia đình chung với nhau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Chị Đỗ Thị Tuyết C, chị Mai Thị M và bà Võ Thị Kim T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Dương Chí P không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi" của chị Đỗ Thị Tuyết C đối với chị Mai Thị M, bà Võ Thị Kim T.

Buộc chị M, bà T có trách nhiệm trả cho chị C số tiền 48.000.000 đồng.

Ghi nhận chị C rút yêu cầu đối với anh P và không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị M và bà T vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Dương Chí P vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, bà T và anh P

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Đỗ Thị Tuyết C đòi chị Mai Thị M và bà Võ Thị Kim T 48.000.000 đồng tiền hội chết chưa góp, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và bà T thừa nhận chị M, anh P và bà T có nợ chị C 48.000.000 đồng tiền hội chết chưa góp. Chị M và bà T đồng ý trả cho chị C số tiền 48.000.000 đồng, không trả tiền lãi, thấy rằng:

[3] Chị C có chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ” lập ngày 28-4-2017 và “Danh sách hội” của các kỳ mở hội chứng minh cho việc chị M và anh P có tham gia hợp đồng góp hội 02 phần hội gồm 02 dây do chị C làm chủ, đã lĩnh tiền trúng hội và không góp đủ tiền hội cho chị C, chị M và anh P còn nợ chị C 49.000.000 đồng, đã trả 1.000.000 đồng, hiện nay chị M và anh P còn nợ chị C số tiền 48.000.000 đồng. Chị M đồng ý cùng bà T trả tiền cho chị C.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị C. Buộc chị Mai Thị M và bà Võ Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Thị Tuyết C số tiền 48.000.000 đồng.

Trách nhiệm từng người:

Chị Mai Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Tuyết C số tiền 24.000.000 đồng.

Bà Võ Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Tuyết C số tiền 24.000.000 đồng.

Ghi nhận chị C rút yêu cầu khởi kiện đối với anh P và không yêu cầu tính tiền lãi.

[5] Xét yêu cầu của chị M và bà T xin trả dần mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, chị C không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui giữa chị Đỗ Thị Tuyết C (N) đối với chị Mai Thị M và bà Võ Thị Kim T.

2. Buộc chị Mai Thị M và bà Võ Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Thị Tuyết C số tiền 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng.

Trách nhiệm từng người:

Chị Mai Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Tuyết C số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Bà Võ Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Tuyết C số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Ghi nhận chị Đỗ Thị Tuyết C rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Dương Chí P và không yêu cầu tính tiền lãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Mai Thị M phải chịu số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị Kim T phải chịu số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị Tuyết C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị Tuyết C số tiền 1.225.000 (một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016407 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nghện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA